

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 05.3.21 Giờ thi: 9.30 Phòng thi: A1.14

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: Trần Thị Kiều Hạnh

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>Lan Anh</u>	7	bảy	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>Minh Anh</u>	6	sáu	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>Hồng Văn</u>	7	bảy	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>Quách Gia</u>	8	tám	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>Lê Đình Tiến</u>	7	bảy	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>Trần Hữu</u>	7	bảy	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>Nguyễn Tuấn</u>	8	tám	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>Phan Nguyễn Trúc</u>	8	tám	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>Phan Thị Chúc</u>	7	bảy	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>Nguyễn Thị Thu</u>	5	năm	C22TA1	
11	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>Trần Trọng</u>	8	tám	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001	<u>Phạm Thị Nguyệt</u>	✓	✓	C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>Võ Minh</u>	6	sáu	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>Nguyễn Trương Kim</u>	6	sáu	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>Nguyễn Hoàng Kim</u>	9	chín	C22TA1	
16	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>Ngô Lê</u>	8	tám	C22TA1	
17	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>Trần Minh</u>	7	bảy	C22TA1	
18	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>Nguyễn Ngọc Thanh</u>	5	năm	C22TA1	
19	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>Võ Lâm Phương</u>	8	tám	C22TA1	
20	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>Nguyễn Văn Long</u>	8	tám	C22TA1	
21	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001	<u>Võ Duy</u>	✓	✓	C22TA1	
22	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trăm	25/06/2002	<u>Nguyễn Thị Quyền</u>	9	chín	C22TA1	
23	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>Nguyễn Ngọc</u>	7	bảy	C22TA1	
24	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>Trần Phi</u>	7	bảy	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24-02 vắng thi: 2 , Số bài thi: 22 ,Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 24-02Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày: 6 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày: 6 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 26.3.21 Giờ thi: 9:30 Phòng thi: 414

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: Trần Thị Kiều Hạnh

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>Lê Thị Lan</u>	9	Chín	C22TA1	
2	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>Nguyễn Thị Minh</u>	8	Tám	C22TA1	
3	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>Hồng Văn</u>	8	Tám	C22TA1	
4	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>Quách Gia</u>	9	Chín	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>Lê Đình Tiến</u>	7	Bảy	C22TA1	
6	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>Trần Hữu</u>	8	Tám	C22TA1	
7	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>Nguyễn Tuấn</u>	7.5	Bảy rưỡi	C22TA1	
8	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>Phan Nguyễn Trúc</u>	9	Chín	C22TA1	
9	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>Phan Thị Chúc</u>	6	Sáu	C22TA1	
10	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>Nguyễn Thị Thu</u>	8	Tám	C22TA1	
11	2010130009	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>Trần Trọng</u>	9	Chín	C22TA1	
12	2010130010	Phạm Thị Nguyệt Nhi	13/07/2001	<u>Phạm Thị Nguyệt</u>	✓	✓	C22TA1	
13	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>Võ Minh</u>	6	Sáu	C22TA1	
14	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>Nguyễn Trương Kim</u>	7	Bảy	C22TA1	
15	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>Nguyễn Hoàng Kim</u>	9	Chín	C22TA1	
16	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>Ngô Lê</u>	9	Chín	C22TA1	
17	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>Trần Minh</u>	8	Tám	C22TA1	
18	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>Nguyễn Ngọc Thanh</u>	6	Sáu	C22TA1	
19	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>Võ Lâm Phương</u>	9	Chín	C22TA1	
20	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>Nguyễn Văn Long</u>	8	Tám	C22TA1	
21	2010130004	Võ Duy Toàn	01/03/2001	<u>Võ Duy</u>	✓	✓	C22TA1	
22	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<u>Nguyễn Thị Quyền</u>	9	Chín	C22TA1	
23	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>Nguyễn Ngọc</u>	9	Chín	C22TA1	
24	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>Trần Phi</u>	8	Tám	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24-2 vắng thi: 2. Số bài thi: 22.

Số sinh viên đạt/không đạt: 24-2 24-2

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kiều Hằng

TRƯỜNG

KHẢO

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 05.3.21 Giờ thi: 9h30 Phòng thi: 41.14

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: h.aul

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>Ph</u>	7	bay	C22TA2	
2	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>Han</u>	8	tam	C22TA2	
3	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>Hue</u>	6	Sau	C22TA2	
4	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>Huyen</u>	6	Sau	C22TA2	
5	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>Bao</u>	7	bay	C22TA2	
6	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>Ho</u>	8	tam	C22TA2	
7	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>Kh</u>	6	Sau	C22TA2	
8	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>Kim</u>	7	bay	C22TA2	
9	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>Mai</u>	5.5	Nam rui	C22TA2	
10	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>Nghi</u>	8	tam	C22TA2	
11	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>Nhi</u>	7	bay	C22TA2	
12	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>Nhi</u>	8	tam	C22TA2	
13	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>Quynh</u>	7	bay	C22TA2	
14	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>Tham</u>	9	chui	C22TA2	
15	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>Thi</u>	6.5	Sau rui	C22TA2	
16	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>Trang</u>	6	Sau	C22TA2	
17	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>Uyen</u>	8	tam	C22TA2	
18	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	8	tam	C22TA2	
19	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>Vy</u>	8	tam	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 0 Số bài thi: 19 / _____Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / _____Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 16 tháng 3 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 16 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 9.4.21 Giờ thi: 9:30 Phòng thi: A114

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
2	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
3	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
4	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
5	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
6	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
7	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
8	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
9	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
10	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
11	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
12	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
13	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>[Signature]</u>	7	Chun,	C22TA2	
14	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
15	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tam,	C22TA2	
16	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
17	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
18	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	
19	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chun,	C22TA2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 19 vắng thi: 0 . Số bài thi: 19 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 19 / 19 Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 14 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Kiều Hạnh

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BỒI DƯỠNG CÔNG NGHỆ &

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BỒI DƯỠNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG

KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 05.3.21 Giờ thi: 9:30 Phòng thi: A1.14

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: 

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001		6	Sáu	C22TA2	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002		5	Năm	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 2 vắng thi: 0. Số bài thi: 2

Số sinh viên đạt/không đạt: 2 /

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 8 tháng 3 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Thị Kiều Hạnh

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh - (05027)

Ngày thi: 26.3.21 Giờ thi: 9:30 Phòng thi: 11.14

Giám thị 1: Trần Thị Kiều Hạnh Ký tên: h hạnh

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>h</u>	7	Bảy	C22TA2	
2	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>sương</u>	6	Sáu	C22TA1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 2 vắng thi: 0. Số bài thi: 2 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 2 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 6 tháng 4 năm 2021

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oan

Nguyễn Lê Phương Oan

Ngày 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

h hạnh

Trần Thị Kiều Hạnh



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Grammar 1 - MH1105024

Mã lớp học phần: MH110502401

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Kiều Hạnh

Ngày thi: 16/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Ng. Tung

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Thu

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: Nguyễn

Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C22TA1	
2	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>[Signature]</u>		8	tám	C22TA2	
3	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>		9	chín	C22TA1	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>		8.6	tám sáu	C22TA1	
5	2010130021	Quách Gia Dĩ	11/11/2002	<u>[Signature]</u>		9	chín	C22TA1	
6	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>		7.8	bảy tám	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>		7	bảy	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>[Signature]</u>		8.2	tám hai	C22TA2	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>[Signature]</u>		8.8	tám tám	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2002	<u>[Signature]</u>		8	tám	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C22TA2	
12	2010130028	Bào Khôi	25/08/1999	<u>[Signature]</u>		9	chín	C22TA2	
13	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>[Signature]</u>		9.4	chín bốn	C22TA2	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>[Signature]</u>		8.2	tám hai	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám bốn	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C22TA2	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>		8.4	tám bốn	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy bốn	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C22TA2	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	tám hai	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>		8.4	tám bốn	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy hai	C22TA2	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>		9.2	chín hai	C22TA2	
25	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>		8.2	tám hai	C22TA1	
26	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>		9.2	chín hai	C22TA1	
27	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>		9.4	chín bốn	C22TA1	
28	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu sáu	C22TA2	
29	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>[Signature]</u>		7.8	bảy tám	C22TA1	
30	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>		9.6	chín sáu	C22TA1	
31	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C22TA1	
32	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy sáu	C22TA1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<i>[Signature]</i>		8.2	tam, hai	C22TA1	
34	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<i>[Signature]</i>		8	tam	C22TA2	
35	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<i>[Signature]</i>		7.8	le, tam	C22TA2	
36	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<i>[Signature]</i>		8	tam	C22TA1	
37	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<i>[Signature]</i>		8.6	tam, sáu	C22TA2	
38	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<i>[Signature]</i>		7.4	le, hai	C22TA1	
39	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<i>[Signature]</i>		9.6	chín, sáu	C22TA1	
40	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<i>[Signature]</i>		8.6	tam, sáu	C22TA2	
41	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<i>[Signature]</i>		9	chín	C22TA2	
42	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<i>[Signature]</i>		9	chín	C22TA2	
43	2010130009	Trần Phi Yên	15/09/2001	<i>[Signature]</i>		8	tam	C22TA1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 43 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 43 / 43 .
Số sinh viên đạt: 43 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 16 tháng 11 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Lê Dương Oanh

Ngày 16 tháng 11 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Kiều Hồng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Grammar 1

Mã bài thi: 4KKH4J

Thời gian thi: 15/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 08/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: T. Dũng Ký tên: [Signature]
Giám thị 2: N. Thu Ký tên: [Signature]
Giám thị 3: V. Trinh Ký tên: [Signature]
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010130013	Nguyễn Thị Minh Anh	09/05/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TA1	
2	2010130022	Lê Thị Lan Anh	30/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22TA1	
3	2010130054	Nguyễn Huỳnh Anh	15/02/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA2	
4	2010130015	Hồng Văn Chiến	20/06/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA1	
5	2010130035	Lê Đình Tiến Đạt	29/09/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TA1	
6	2010130021	Quách Gia Di	11/11/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TA1	
7	2010130002	Trần Hữu Đức	04/01/2000	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C22TA1	
8	2010130034	Phạm Thị Thu Hà	05/02/2000	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TA1	
9	2010130039	Hà Lê Ngọc Hân	05/10/2001	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22TA2	
10	2010130041	Võ Thị Hồng Huệ	03/07/2000	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA2	
11	2010130037	Nguyễn Thị Như Huyền	07/03/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA2	
12	2010130049	Hoàng Đăng Khôi	27/12/2000	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22TA2	
13	2010130028	Bảo Khôi	25/08/1999	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TA1	
14	2010130042	Nguyễn Hoàng Khương	23/12/2001	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TA2	
15	2010130011	Nguyễn Tuấn Kiệt	08/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
16	2010130030	Nguyễn Trần Long Kim	02/08/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
17	2010130003	Phan Nguyễn Trúc Linh	16/12/2000	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
18	2010130019	Phan Thị Chúc Linh	20/11/2000	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TA1	
19	2010130018	Nguyễn Thị Thu Mai	18/02/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TA1	
20	2010130032	Nguyễn Thị Trúc Mai	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
21	2010130052	Nguyễn Quỳnh Phương Nghi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TA2	
22	2010130001	Trần Trọng Nghĩa	24/02/1999	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TA1	
23	2010130027	Huỳnh Hiếu Nhi	09/03/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22TA1	
24	2010130051	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	23/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA2	
25	2010130023	Võ Minh Phúc	11/08/2001	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TA1	
26	2010130020	Nguyễn Trương Kim Phước	26/09/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TA1	
27	2010130008	Nguyễn Hoàng Kim Quyên	17/11/1996	<u>[Signature]</u>	9.4	Chín, bốn	C22TA1	
28	2010130053	Võ Hồ Ngọc Quỳnh	23/03/2001	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TA2	
29	2010130017	Nguyễn Ngọc Thảo Sương	26/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TA1	
30	2010130007	Trần Minh Tâm	19/02/2001	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
31	2010130024	Ngô Lê Tâm	12/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22TA1	
32	2010130048	Nguyễn Thị Hồng Thắm	19/05/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA1	
33	2010130006	Võ Lâm Phương Thảo	25/07/1999	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TA1	
34	2010130014	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TA1	
35	2010130031	Hoàng Thị Yến Thi	30/05/2002	<u>[Signature]</u>	7.8	Bảy, tám	C22TA1	
36	2010130026	Nguyễn Văn Long Thịnh	03/09/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA1	
37	2010130016	Nguyễn Thị Quyền Trâm	25/06/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TA1	
38	2010130036	Đinh Vũ Thùy Trang	01/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA1	
39	2010130005	Nguyễn Ngọc Tuyết	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	9.6	Chín, sáu	C22TA1	
40	2010130050	Huỳnh Trần Thái Uyên	13/04/2002	<u>[Signature]</u>	8.6	Tám, sáu	C22TA2	
41	2010130044	Lê Thảo Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TA2	
42	2010130045	Lê Anh Vy	15/06/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TA2	
43	2010130009	Trần Phi Yến	15/09/2001	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TA1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 43**Số sinh viên đạt: 43**

Ngày 16 tháng 4 năm 2021
 **TRƯỞNG KHOA/PHÒNG**
(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 16 tháng 4 năm 2021
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Kiều Hạnh